

Số: /BC-ĐGS

Tủa Chùa, ngày tháng năm 2022

BÁO CÁO

Kết quả giám sát thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông lâm nghiệp thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo Quyết định số 45/2018/QĐ-UBND của UBND tỉnh Điện Biên (từ 01/01/2019 đến tháng 7/2022)

Thực hiện Quyết định số 03/QĐ-TTHĐND ngày 26/8/2022 của Thường trực HĐND huyện Tủa Chùa về việc thành lập Đoàn giám sát chuyên đề “Kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông lâm nghiệp thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo Quyết định số 45/2018/QĐ-UBND của UBND tỉnh Điện Biên (từ 01/01/2019 đến tháng 7/2022)”.

Từ ngày 21/9/2022 đến ngày 14/10/2022, Đoàn Giám sát đã tiến hành giám sát theo kế hoạch đề ra. Qua giám sát trực tiếp tại 07 đơn vị gồm (UBND các xã, thị trấn: Huổi Sớ, Tủa Thành, Mường Đun, Trung Thu, Sính Phình, Thị Trấn; Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện) và tổng hợp báo cáo của 06 đơn vị giám sát gián tiếp; Đoàn Giám sát tổng hợp báo cáo kết quả giám sát như sau:

I. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG LÂM NGHIỆP THỰC HIỆN CƠ CẤU LẠI NGÀNH NÔNG NGHIỆP THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 45/2018/QĐ-UBND CỦA UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN

Trên cơ sở chính sách ban hành, kinh phí được tỉnh giao UBND huyện đã giao dự toán phân bổ chi tiết cho Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện để triển khai thực hiện. Phòng đã chủ động ban hành các văn bản, thông báo¹ đến các đơn vị, tổ chức sản xuất và kinh doanh trong và ngoài huyện được biết đến chính sách, cùng với UBND các xã, thị trấn, các đơn vị chủ trì liên kết tuyên truyền vận động người dân tích cực tham gia các dự án liên kết; các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông lâm ngư nghiệp cơ bản phù hợp tại các địa

¹ Thông báo số 18/PNN-LN ngày 20/02/2019 Về việc đăng ký khoanh nuôi tái sinh tự nhiên không trồng bổ sung; số 32/TB-PNN ngày 16/4/2019 Về việc đăng ký tham gia chủ trì dự án liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn huyện Tủa Chùa năm 2019; số 56/PNN-LN ngày 15/3/2020 Về việc tiếp tục rà soát, đăng ký khoanh nuôi tái sinh tự nhiên không trồng bổ sung năm 2020; số 105/PNN-KT ngày 03/6/2019 V/v triển khai hỗ trợ lồng nuôi thủy sản theo Quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND tỉnh Điện Biên; số 66/TB-PNN ngày 06/5/2020 Về việc đăng ký tham gia chủ trì dự án liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn huyện Tủa Chùa năm 2020; số 136/PNN-KT ngày 13/6/2020 V/v triển khai hỗ trợ lồng nuôi thủy sản theo Quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND tỉnh Điện Biên; số 24/PNN-LN ngày 02/02/2021 Về việc tiếp tục rà soát, đăng ký khoanh nuôi tái sinh tự nhiên không trồng bổ sung năm 2021; số 42/TB-PNN ngày 18/3/2021 Về việc đăng ký tham gia chủ trì dự án liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn huyện Tủa Chùa năm 2021; số 81/PNN-KT ngày 10/5/2021 V/v triển khai hỗ trợ lồng nuôi thủy sản theo Quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND tỉnh Điện Biên; số 02/TB-PNN ngày 10/02/2022 Về việc đăng ký tham gia chủ trì dự án liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn huyện Tủa Chùa năm 2022; số 55/PNN-LN ngày 22/4/2022 Về việc tiếp tục rà soát, đăng ký khoanh nuôi tái sinh tự nhiên không trồng bổ sung năm 2022.

phương. Trên cơ sở nhu cầu đăng ký tham gia của các đơn vị chủ trì liên kết hàng năm phòng đã chủ động tham mưu UBND huyện ban hành các Kế hoạch số 99/KH-UBND ngày 17/5/2019 của UBND huyện Tủa Chùa về việc triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ sản xuất nông lâm nghiệp thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp năm 2019 trên địa bàn huyện; số 69/KH-UBND ngày 4/5/2020 của UBND huyện Tủa Chùa về việc triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ sản xuất nông lâm nghiệp thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp năm 2020 trên địa bàn huyện; số 79/KH-UBND ngày 16/4/2021 của UBND huyện Tủa Chùa về việc triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ sản xuất nông lâm nghiệp thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp năm 2021 trên địa bàn huyện; số 13/KH-UBND ngày 20/01/2022 của UBND huyện Tủa Chùa về việc triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ sản xuất nông lâm nghiệp thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp năm 2022 trên địa bàn huyện; Hướng dẫn các thành phần tham gia liên kết xây dựng dự án, tiếp nhận hồ sơ do đơn vị chủ trì liên kết đề xuất; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thẩm định, tham mưu cho UBND huyện phê duyệt dự án đảm bảo trình tự, thủ tục. Thường xuyên kiểm tra, theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các đơn vị liên kết và các hộ gia đình tham gia liên kết tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo các nội dung dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Triển khai nghiệm thu thanh toán hỗ trợ theo chính sách cho các đối tượng đảm bảo quy định hiện hành.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG LÂM NGHIỆP THỰC HIỆN CƠ CẤU LẠI NGÀNH NÔNG NGHIỆP THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 45/2018/QĐ-UBND CỦA UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN

1. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông lâm nghiệp thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp theo Quyết định số 45/2018/QĐ-UBND của UBND tỉnh Điện Biên giai đoạn 2019-2022:

Tổng số kinh phí được bố trí là 18.174.495.522 đồng, trong đó kinh phí đã thực hiện giải ngân đến tháng 7/2022 là 15.604.042.027 đồng, cụ thể như sau:

* **Năm 2019:** Kinh phí được cấp 6.774.495.522 đồng (giao trong năm 4.200.000.000 đồng, chuyển nguồn năm 2018 sang 2.574.495.522 đồng). Tổng kinh phí đã thực hiện 6.101.007.697 đồng; kinh phí chưa sử dụng chuyển sang năm sau 673.487.825 đồng; trong đó đã thực hiện:

- Thực hiện chuyển tiếp chính sách theo Quyết định số 02/2014/QĐ-UBND ngày 13/3/2014 của UBND tỉnh để hỗ trợ phát triển Chè Tuyết Shan trong quy hoạch (hỗ trợ gạo) 286.615.875 đồng.

- Tổ chức 4 lớp tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ thú y viên cơ sở, kinh phí thực hiện 142.790.000 đồng.

- Hỗ trợ 5 dự án liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp: 2.524.403.400 đồng, trong đó:

+ Dự án liên kết sản xuất và chế biến, tiêu thụ chè Tuyết Shan trên địa bàn xã Sính Phình, huyện Tủa Chùa 368.275.000 đồng.

+ Dự án liên kết nuôi trồng, tiêu thụ cá rô phi trong ao trên địa bàn xã

Mường Báng, Mường Đun, huyện Tủa Chùa 473.903.400 đồng.

+ Dự án liên kết sản xuất rau, củ, quả an toàn thực phẩm, ứng dụng công nghệ cao, bảo vệ môi trường, thực hiện hỗ trợ làm nhà lưới sản xuất rau an toàn trên địa bàn xã Mường Báng, huyện Tủa Chùa 480.000.000 đồng.

+ Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Sa nhân trên địa bàn xã Tả Phìn, Mường Đun, Tủa Thành, huyện Tủa Chùa 1.132.300.000 đồng.

+ Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Su su trên địa bàn xã Trung Thu, huyện Tủa Chùa 69.925.000 đồng.

- Hỗ trợ phát triển lâm nghiệp: 872.748.542 đồng, trong đó:

+ Hỗ trợ khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng tự nhiên 252.221.000 đồng.

+ Hỗ trợ bảo vệ và phát triển cây hoa Ban trên địa bàn Thị Trấn, xã Tủa Thành, huyện Tủa Chùa 620.527.542 đồng.

- Hỗ trợ phát triển thủy sản: Hỗ trợ làm lồng, bè nuôi cá bằng thép trên địa bàn xã Tủa Thành, Huổi Sớ, Sín Chải, huyện Tủa Chùa 2.274.449.880 đồng.

* **Năm 2020:** Kinh phí được cấp 4.873.487.000 đồng (giao trong năm 4.200.000.000 đồng, chuyển nguồn năm 2019 sang 673.487.825 đồng); Tổng kinh phí đã thực hiện 4.357.846.627 đồng; kinh phí chưa sử dụng chuyển sang năm sau 515.640.373 đồng, trong đó đã thực hiện:

- Thực hiện chuyển tiếp chính sách theo Quyết định số 02/2014/QĐ-UBND ngày 13/3/2014 của UBND tỉnh để hỗ trợ phát triển Chè Tuyết Shan trong quy hoạch (hỗ trợ gạo cho các hộ tham gia trồng) 153.072.500 đồng.

- Hỗ trợ 7 dự án liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp 2.765.995.500 đồng, trong đó:

+ Dự án liên kết sản xuất và chế biến, tiêu thụ chè Tuyết Shan trên địa bàn xã Sính Phình, huyện Tủa Chùa (chuyển tiếp năm thứ 2) 200.000.000 đồng.

+ Dự án liên kết nuôi trồng, tiêu thụ cá rô phi trong ao trên địa bàn xã Mường Báng, Mường Đun, huyện Tủa Chùa (Chuyển tiếp năm thứ 2) 382.658.000 đồng.

+ Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Mít Thái lan trên địa bàn xã Tủa Thành, huyện Tủa Chùa 698.000.000 đồng.

+ Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Mắc ca trên địa bàn xã Mường Đun, Mường Báng, huyện Tủa Chùa 674.108.000 đồng.

+ Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Chanh leo trên địa bàn xã Trung Thu huyện Tủa Chùa 569.042.000 đồng.

+ Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Bí đỏ trên địa bàn xã Trung Thu huyện Tủa Chùa 57.720.000 đồng.

+ Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Khoai sọ trên địa bàn xã Trung Thu huyện Tủa Chùa 184.467.500 đồng.

- Hỗ trợ phát triển lâm nghiệp: 705.076.645 đồng, trong đó:

+ Hỗ trợ khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng tự nhiên 461.986.000 đồng.

+ Hỗ trợ bảo vệ và phát triển cây Hoa Ban trên địa bàn Thị trấn, xã Tủa Thàng, huyện Tủa Chùa: 243.090.645 đồng.

- Hỗ trợ phát triển thủy sản: Hỗ trợ làm lồng, bè nuôi cá bằng thép trên địa bàn xã Tủa Thàng, Huổi Sớ, huyện Tủa Chùa 733.701.982 đồng.

* **Năm 2021:** Kinh phí được cấp 4.715.640.373 đồng (giao trong năm 4.200.000.000 đồng, chuyển nguồn năm 2020 sang 515.640.373 đồng); Tổng kinh phí đã thực hiện 4.494.071.345 đồng; kinh phí chưa sử dụng chuyển sang năm sau 221.569.028 đồng; trong đó đã thực hiện:

- Thực hiện chuyển tiếp chính sách theo Quyết định số 02/2014/QĐ-UBND ngày 13/3/2014 của UBND tỉnh để hỗ trợ phát triển Chè Tuyết Shan trong quy hoạch (hỗ trợ gạo cho các hộ tham gia trồng) 112.114.039 đồng.

- Hỗ trợ 5 dự án liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp 2.800.409.900 đồng, trong đó:

+ Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Ngô lai LVN 885 trên địa bàn xã Tủa Thàng, thị trấn Tủa Chùa, huyện Tủa Chùa 366.366.000 đồng

+ Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Lúa thương phẩm TBR 225 và Bắc thơm số 7 trên địa bàn thị trấn Tủa Chùa, huyện Tủa Chùa 797.960.000 đồng

+ Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Đào địa phương trên địa bàn xã Mường Báng, Trung Thu, huyện Tủa Chùa 382.412.500 đồng.

+ Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Mắc Ca trên địa bàn xã Xá Nhè, huyện Tủa Chùa 971.471.000 đồng.

+ Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Vịt bầu trên địa bàn xã Mường Đun, Tủa Thàng, huyện Tủa Chùa 282.200.400 đồng.

- Hỗ trợ phát triển lâm nghiệp: 841.600.198 đồng, trong đó:

+ Hỗ trợ khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng tự nhiên 722.279.000 đồng.

+ Hỗ trợ bảo vệ và phát triển cây Hoa Ban trên địa bàn Thị trấn, xã Tủa Thàng, huyện Tủa Chùa 119.321.198 đồng.

+ Hỗ trợ phát triển thủy sản: Hỗ trợ làm lồng, bè nuôi cá bằng thép trên địa bàn xã Tủa Thàng, Huổi Sớ 739.947.208 đồng.

* **Năm 2022:** Kinh phí được cấp 3.221.569.028 đồng (giao trong năm 3.000.000.000 đồng, chuyển nguồn năm 2021 sang 221.569.028 đồng) thực hiện các nội dung chính sau:

- Thực hiện chuyển tiếp chính sách theo Quyết định số 02/2014/QĐ-UBND ngày 13/3/2014 của UBND tỉnh để hỗ trợ phát triển Chè cây cao (Chè Tuyết Shan) kinh phí thực hiện 65.153.358 đồng.

- Tổ chức 3 lớp tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ thú y viên cơ sở với kinh phí thực hiện 97.579.000 đồng.

- Hỗ trợ 5 dự án liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp dự kiến thực hiện giải ngân 1.813.298.000 đồng, trong đó:

+ Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Vịt bầu trên địa bàn xã Mường Đun, huyện Tủa Chùa 396.584.000 đồng.

+ Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Mắc Ca trên địa bàn xã Xá Nhè, huyện Tủa Chùa (chuyển tiếp NT2) 9.180.0000 đồng.

+ Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Ngô lai 092 trên địa bàn xã Tủa Thàng, Thị trấn Tủa Chùa, kinh phí thực hiện hỗ trợ 547.720.000 đồng.

+ Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Đào địa phương trên địa bàn xã Tả Phìn, hiện đang hoàn thiện thủ tục hồ sơ nghiệm thu, thanh toán, kinh phí dự kiến giải ngân 427.350.000 đồng.

+ Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Ngan trâu trên địa bàn xã Tả Phìn; hiện đang hoàn thiện thủ tục hồ sơ nghiệm thu, thanh toán, kinh phí dự kiến giải ngân 432.464.000 đồng.

- Hỗ trợ phát triển lâm nghiệp, trong đó:

+ Hỗ trợ khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng tự nhiên chuyển tiếp các năm 2019-2021, dự kiến tổ chức nghiệm thu, giải ngân trong tháng 12/2022.

+ Hỗ trợ bảo vệ và phát triển cây Hoa Ban trên địa bàn Thị trấn, xã Tủa Thàng, huyện Tủa Chùa; dự kiến tổ chức nghiệm thu, giải ngân trong tháng 12/2022.

(Có biểu chi tiết kèm theo)

2. Đánh giá hiệu quả của việc thực hiện Quyết định 45/2018/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND tỉnh Điện Biên

- Đối với nội dung hỗ trợ phát triển Chè Tuyết Shan trong quy hoạch thực hiện chuyển tiếp chính sách theo Quyết định 02/2014/QĐ-UBND ngày 13/4/2014 của UBND tỉnh Điện Biên. Vận động hướng dẫn người dân chăm sóc, bảo vệ diện tích chè trồng chuyển tiếp giai đoạn 2014 - 2017, tổ chức nghiệm thu diện tích chè đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ tiền mua lương thực trong 5 năm theo quy định; Việc tiếp tục triển khai chính sách hỗ trợ phát triển chè Tuyết Shan phù hợp với nhu cầu thực tế của huyện, sau triển khai thực hiện đến nay đã góp phần bảo vệ phát triển diện tích chè trên địa bàn huyện, thu hút được một số nhà đầu tư tham gia chế biến các sản phẩm từ chè, tạo ra sự đa dạng về sản phẩm hàng hóa nông nghiệp của huyện, góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người dân, là cơ hội để tiếp tục kêu gọi các nhà đầu tư lớn hơn để phát triển cây chè trên địa bàn.

- Hỗ trợ phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp: Trên cơ sở nhu cầu đề xuất, đăng ký tham gia hợp tác liên kết của các đơn vị và các hộ dân trong giai đoạn 2019 - 7/2022 đã thực hiện hỗ trợ 22 lượt dự án liên kết với số hộ tham gia 856 hộ. Thông qua chính sách đã hỗ trợ nguồn kinh phí để người dân, các tổ chức, cá nhân tham gia phát triển sản xuất nông lâm nghiệp trên địa bàn huyện, tạo điều kiện cho các sản phẩm nông nghiệp của huyện tăng giá trị, phát huy, tiềm năng, lợi thế, thế mạnh; từng bước hình thành nền sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp; tạo việc làm tăng thu nhập xóa đói giảm nghèo cho người dân, thúc đẩy phát

triển doanh nghiệp, hợp tác xã; tạo ra được các sản OCOP chủ lực của huyện. Hộ dân khi tham gia các dự án liên kết được tiếp cận quy trình kỹ thuật nông nghiệp theo hướng hữu cơ, kiểm soát chất lượng đầu vào với các giống cây trồng, vật nuôi, vật tư phục vụ chăn nuôi, trồng trọt có chất lượng, sản phẩm phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng, được thị trường ưa chuộng, tăng thêm thu nhập kinh tế cho hộ dân tham gia đồng thời giúp đơn vị chủ trì liên kết có vùng nguyên liệu ổn định, đảm bảo sản lượng và chất lượng hàng hóa cung cấp phục vụ nhu cầu thị trường, tăng doanh thu đơn vị, cụ thể:

+ Đối với dự án liên kết sản xuất và chế biến, tiêu thụ chè Tuyết Shan (hỗ trợ 2 vụ): Dự án được thực hiện đã tạo mối liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm chè đảm bảo quy mô dự án 32 ha và các vùng lân cận, hệ thống máy móc hỗ trợ hoạt động đảm bảo công suất tối đa sản xuất, chế biến 40 tấn chè búp tươi/năm. Sản phẩm chế biến tiêu thụ ổn định, góp phần tăng thêm thu nhập hộ trồng chè trung bình 18 triệu đồng/ha và tăng doanh thu của doanh nghiệp. Về lâu dài khi được doanh nghiệp, đơn vị tích cực đầu tư nâng cao công suất máy móc, nhà xưởng tích cực thu mua, tiêu thụ sản phẩm sẽ khuyến khích người dân tăng thu hái, tăng năng suất, hiệu quả.

+ Đối với dự án liên kết sản xuất rau, củ, quả an toàn thực phẩm, ứng dụng công nghệ cao, bảo vệ môi trường, thực hiện hỗ trợ làm nhà lưới sản xuất rau an toàn: Việc áp dụng công nghệ nhà lưới đơn giản bước đầu tạo thành vùng sản xuất rau an toàn, qua đánh giá việc sản xuất trong nhà lưới góp phần tăng năng suất rau, củ, quả trung bình cao gấp 2-3 lần, ít sâu bệnh, tăng khả năng chống chịu với điều kiện sản xuất thông thường, sản phẩm được HTX bao tiêu cung cấp cho các trường học, các tiểu thương trên địa bàn ổn định, góp phần tăng hiệu quả kinh tế cho các hộ dân và HTX tham gia.

+ Đối với dự án liên kết nuôi trồng, tiêu thụ cá rô phi trong ao (hỗ trợ 2 vụ): Dự án thực hiện đã phát huy lợi thế địa phương, khai thác diện tích mặt nước nuôi thủy sản, qua đánh giá năng suất cá rô phi thương phẩm thu hoạch đạt 10 tấn/ha, với giá thu mua TB 45.000 đồng/kg, hiệu quả kinh tế đạt 180 triệu/ha sau trừ chi phí đầu tư, góp phần tăng thêm thu nhập hộ dân và HTX tham gia.

+ Đối với dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Sa nhân: Qua đánh giá hiện một số khu vực cây bắt đầu cho sản phẩm, tuy nhiên năng suất thu hoạch năm đầu còn rất ít, chủ yếu được các hộ dân bán tươi cho thương lái. Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid -19, thị trường tiêu thụ chủ yếu là Trung Quốc nên giá sản phẩm năm 2022 không cao phần nào đã ảnh hưởng đến hiệu quả dự án.

+ Đối với dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Su su: Qua đánh giá năng suất Su su 25-30 tấn/ha, sản phẩm được tiêu thụ chủ yếu tại thị trường trong huyện.

+ Đối với dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Chanh Leo: Dự án thực hiện đã phát huy lợi thế địa phương, phát triển vùng sản xuất hàng hóa, qua đánh giá cây trồng sinh trưởng phát triển khá phù hợp điều kiện khí hậu thổ nhưỡng, năng suất đạt 30 tấn/ha, giá bán trung bình 8.000 đồng/kg, cho hiệu quả kinh tế đạt 100 triệu đồng/ha đem lại hiệu quả kinh tế cho người dân và HTX.

Tuy nhiên năng suất chanh leo chỉ cho thu hoạch năng suất cao 2-3 năm đến năm thứ 4 cần thực hiện trồng lại.

+ Đối với dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Bí đỏ: Năng suất bí đạt 20 tấn/ha, giá thu mua tối thiểu 4.000 đồng/kg. Tuy nhiên, do khả năng tiêu thụ hạn chế HTX Hmông đơn vị chủ trì liên kết không bao tiêu hết được sản phẩm, một phần không xuất bán được đơn vị đã trả lại tiền giống, công chăm sóc cho người dân theo giá thu mua tối thiểu, ảnh hưởng đến hiệu quả dự án.

+ Đối với dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Khoai sọ: Năng suất khoai đạt 12,5 tấn/ha, giá thu mua tối thiểu 8.000 đồng/kg cho hiệu quả kinh tế sau trừ chi phí đạt 50 triệu đồng/ha, tăng thu nhập cho hộ dân tham gia và HTX khi tham gia liên kết.

+ Đối với dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm lúa TRB 225 và bắc thom số 7: Qua đánh giá năng suất lúa đạt 7,5 tấn/ha, giá thu mua TB 7.000 đ/kg tươi, sau trừ chi phí, nhân công thu lại 20 triệu/ha. Sau trừ chi phí, nhân công đạt 20 triệu/ha, góp phần đảm bảo an ninh lương thực trên địa bàn.

+ Đối với dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm ngô lai VN 092 và LVN 885: Qua đánh giá năng suất ngô hạt đạt 10 tấn/ha cao hơn năng suất giống ngô địa phương 3 tấn, kháng bệnh tốt, giá thu mua TB 5.000 đ/kg ngô hạt tươi, sau trừ chi phí, nhân công thu lại 25 triệu/ha, góp phần đảm bảo an ninh lương thực trên địa bàn, tăng thêm thu nhập cho hộ dân tham gia. Tuy nhiên do trong năm giá thức ăn chăn nuôi tăng cao nên người dân chủ yếu giữ lại để phục vụ sản xuất, chỉ bán một phần cho doanh nghiệp đơn vị chủ trì liên kết.

+ Đối với dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm vịt bầu địa phương (hỗ trợ 2 vụ): Mô hình phát huy lợi thế địa phương, tận dụng nguồn nguyên liệu sẵn có phát triển chăn nuôi, cung cấp sản phẩm có chất lượng, giúp tăng thu nhập cho hộ dân thêm 1,2 triệu đồng/hộ/tháng, sản phẩm được HTX dịch vụ nông nghiệp Mường Đun tiêu thụ ổn định, bước đầu quan tâm xây dựng thương hiệu gắn với sơ chế, chế biến sản phẩm để mở rộng thị trường, nâng cao giá trị. Dự án là tiền đề thay đổi phương thức chăn nuôi người dân, áp dụng kỹ thuật phòng trị bệnh trong chăn nuôi, thúc đẩy tăng quy mô mở rộng đầu tư, tăng hiệu quả sản xuất.

+ Đối với các dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm như: Mắc ca, Mít Thái Lan, Đào địa phương đã phát huy lợi thế địa phương, phát triển vùng sản xuất hàng hóa, hiện cây đang ở giai đoạn sinh trưởng sinh dưỡng, qua đánh giá cơ bản các chỉ tiêu tốc độ phát triển khá tốt, phù hợp điều kiện khí hậu thổ nhưỡng địa phương. Tuy nhiên đến nay chưa cho thu hoạch chưa đánh giá được hiệu quả kinh tế và các tác động.

- Đối với nội dung hỗ trợ tập huấn thú y: Nội dung tập huấn đã chú trọng kỹ năng thực hành, nâng cao năng lực, nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ kỹ thuật viên cơ sở.

- Hỗ trợ sản xuất, phát triển lâm nghiệp: Chính sách đã tập trung thực hiện công tác khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng, hỗ trợ trồng, bảo vệ và phát triển cây hoa Ban, qua đó khuyến khích người dân tích cực trong công tác bảo vệ và phát

triển rừng, góp phần tăng nhanh độ che phủ rừng, tạo cảnh quan thúc đẩy phát triển du lịch nông thôn trên địa bàn theo nghị quyết Đảng bộ huyện đã đề ra.

- Hỗ trợ phát triển thủy sản: Qua kiểm tra đến nay các hộ đều thực hiện nuôi trồng thủy sản trong lồng bè được hỗ trợ, đối tượng nuôi chủ yếu là trắm cỏ, trê lai, rô phi, cá lăng... cá được nuôi và tiêu thụ ổn định với giá trung bình từ 40.000-70.000 đồng/kg, riêng cá lăng giá dao động từ 150.000- 300.000/kg; sản phẩm được tiêu thụ ổn định phục vụ nhu cầu nhân dân các xã vùng lòng hồ và một phần thị trường trong huyện, chính sách phát huy hiệu quả ngoài số lượng 66 lồng bè được hỗ trợ, người dân đã nhân rộng đầu tư thêm 12 lồng bè. Chính sách đã góp phần quan trọng, đặt nền móng thúc đẩy nuôi trồng thủy sản, phát huy tiềm năng lợi thế mặt nước vùng lòng hồ Sông Đà, góp phần tăng thêm thu nhập, cải thiện đời sống hộ dân tại khu vực.

3. Công tác thanh tra, kiểm tra; việc chấp hành các kiến nghị, kết luận của các cơ quan có thẩm quyền trong thanh tra, kiểm tra

Trong giai đoạn giám sát Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện đã được Thanh tra tỉnh Điện Biên thanh tra và Kiểm toán Nhà nước khu vực VII kiểm toán công tác quản lý, sử dụng ngân sách trên địa bàn huyện đã có Kết luận số 546/KL-TTr ngày 30/9/2021 về kết luận thanh tra công tác quản lý, sử dụng ngân sách trên địa bàn huyện Tòa Chùa năm 2019-2020 trong đó có nguồn sự nghiệp nông nghiệp (*nguồn vốn Quyết định số 45/2018/QĐ-UBND của UBND tỉnh*); có biên bản xác nhận số liệu và tình hình kiểm toán ngày 14/7/2022. Kết luận thanh tra đã chỉ ra việc rà soát ra quyết định chi trả chế độ phụ cấp cho một số nhân viên thú y xã, thị trấn chưa đúng quy định về chuyên ngành, đã chỉ rõ trách nhiệm đến các cá nhân, tập thể liên quan, yêu cầu kiểm điểm trong việc thực hiện. Phòng Nông nghiệp và PTNT đã tổ chức họp kiểm điểm và rút kinh nghiệm trong việc thực hiện chế độ hợp đồng nhân viên thú y xã theo đúng quy định.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

- Từ năm 2019 đến tháng 07/2022 việc triển khai thực hiện thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông lâm nghiệp thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo Quyết định số 45/2018/QĐ-UBND của UBND tỉnh Điện Biên đã kêu gọi được các nhà đầu tư doanh nghiệp, Hợp tác xã tham gia đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn và thu hút được một số doanh nghiệp trong và ngoài huyện tham gia phát triển kinh tế nông thôn miền núi, phát huy được lợi thế, tiềm năng của địa phương đối với các loại nông sản có thế mạnh, góp phần tạo ra việc làm cho người lao động (*cung cấp nguyên liệu cho chế biến nông lâm sản và các dịch vụ khác...*), tác động tích cực trong bảo vệ và phát triển rừng bền vững tại địa phương.

- Từng bước thay đổi tư duy, tập quán của người dân, mạnh dạn đổi mới hình thức tổ chức sản xuất từ quy mô nhỏ chuyển sang quy mô lớn có tính liên kết, hình thành các vùng tập trung, khuyến khích người dân nhân rộng như nuôi

cá lồng bè, vịt bầu, khoai sọ, chanh leo; thực hiện chủ trương chuyển đổi diện tích đất trồng lúa thiếu nước sản xuất sang trồng ngô và các loại hoa màu khác...

- Việc thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông lâm nghiệp về cơ bản đem lại hiệu quả thiết thực, hiệu quả kinh tế cho người dân, bước đầu xác định các cây trồng, vật nuôi định hướng phát triển phù hợp với tiềm năng, khí hậu, thổ nhưỡng địa phương, tạo thành vùng sản xuất có tính chất hàng hóa, thương mại, cung cấp các sản phẩm có chất lượng an toàn đáp ứng được một phần nhu cầu thị trường trong và ngoài huyện, từng bước xây dựng thương hiệu; chuyển giao cho người dân áp dụng quy trình kỹ thuật sản xuất đơn giản, phù hợp với điều kiện canh tác của người dân từng khu vực. Chính sách có sự tham gia của chủ trì liên kết và người dân dưới sự giám sát hoạt động của cơ quan chuyên môn và chính quyền địa phương đã nhận được sự đồng thuận tích cực hưởng ứng tham gia, đem lại lợi ích trực tiếp cho người dân và doanh nghiệp.

- Qua giám sát cho thấy việc thực hiện quản lý, sử dụng và quyết toán nguồn ngân sách cơ bản đảm bảo đúng nguyên tắc, mục đích, đạt hiệu quả; hồ sơ chứng từ thu, chi lưu trữ đầy đủ, rõ ràng. Qua đó, những mô hình, dự án liên kết và tiêu thụ sản phẩm mang lại hiệu quả tương đối khá giúp nâng cao thu nhập cho người dân như: mô hình nuôi cá lồng; dự án liên kết và tiêu thụ sản phẩm Chanh leo; dự án liên kết và tiêu thụ sản phẩm Lúa TRB 225 và Bắc thom số 7; dự án liên kết và tiêu thụ sản phẩm Ngô lai VN 092 và LVN 885... để thực hiện mục tiêu nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững cho các sản phẩm nông nghiệp, góp phần thực hiện giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới. Theo đó, chất lượng cuộc sống của người dân được cải thiện rõ rệt, củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp.

2. Tồn tại, hạn chế

- Việc nhận thức của một số hộ dân khi tham gia các dự án liên kết còn hạn chế, chưa chủ động trong việc tham gia liên kết.

- Việc chăm sóc, bảo vệ, áp dụng quy trình kỹ thuật vào sản xuất của một số hộ tham gia dự án liên kết chưa đảm bảo; chưa phát huy tối đa hiệu quả của việc đầu tư lồng, bè nuôi cá; chưa tương xứng với tiềm năng thế mạnh của địa phương.

- Một số dự án còn chưa đạt hiệu quả mong muốn như: Dự án trồng cây hoa ban tại bản Cáp thị trấn Tòa Chùa, dự án trồng đào tại xã Trung Thu..

- Hợp tác xã Hmong chưa bao tiêu hết sản phẩm Bí đỏ tại xã Trung Thu.

- Quy mô liên kết nhỏ, sản phẩm thành hàng hóa còn ít, một số sản phẩm thiếu ổn định, sức cạnh tranh còn chưa cao, đa phần là sản phẩm thô chưa qua chế biến để nâng cao giá trị sản phẩm.

- Một số hộ dân tham gia liên kết chưa thực hiện đúng theo hợp đồng liên kết tiêu thụ sản phẩm như: Chanh leo, su su, bí đỏ... (khi có biến động về giá đã bán sản phẩm ra ngoài thị trường).

- Việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi còn chậm, công tác đầu tư thâm canh của người dân chưa được quan tâm đúng mức, chưa tạo ra sản phẩm đáp ứng yêu cầu của thị trường dẫn đến thu nhập trên một đơn vị diện tích còn thấp.

- Một số dự án liên kết khi kết thúc dự án không thực hiện tái đầu tư sau khi thu hoạch; không tiếp tục phát triển, duy trì dự án.

3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

3.1. Nguyên nhân chủ quan

- Sự chủ động vào cuộc của một số Cấp ủy, Chính quyền cơ sở chưa cao, thiếu đồng bộ; chưa thực sự quan tâm đến chính sách, chưa tích cực phổ biến, tuyên truyền thông tin chính sách rộng rãi đến người dân trên địa bàn.

- Công tác phối hợp với cơ quan chuyên môn và đơn vị chủ trì liên kết trong quá trình thực hiện chính sách chưa thường xuyên.

- Một số cán bộ khuyến nông cấp xã còn yếu về chuyên môn dẫn đến việc tham mưu cho cấp ủy chính quyền trong việc triển khai, thực hiện các mô hình, dự án.

- Số lượng doanh nghiệp, Hợp tác xã tham gia hoạt động lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn còn ít, chủ yếu là các đơn vị có quy mô nhỏ, năng lực sản xuất và tiêu thụ còn hạn chế, chưa có sự đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, chế biến, đa dạng hóa sản phẩm.

- Mặt bằng dân trí chưa đồng đều, một số hộ dân chưa chủ động đầu tư phát triển sản xuất, ứng dụng khoa học kỹ thuật; trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước còn phổ biến.

- Công tác chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc của UBND các xã, thị trấn, các ngành chức năng chưa thường xuyên.

3.2. Nguyên nhân khách quan

- Do ảnh hưởng của dịch covid-19 bùng phát kéo dài trên địa bàn, giá cả các mặt hàng nông nghiệp biến động; thị trường tiêu thụ sản phẩm gặp khó khăn, nguồn lao động nông nghiệp giảm do chuyển đổi ngành nghề khác.

- Thủ tục, hồ sơ để thực hiện các dự án liên kết và tiêu thụ sản phẩm còn nhiều; một số nội dung hỗ trợ còn nhiều bất cập, chưa có sự linh hoạt và cơ chế mở để phù hợp với thực tiễn địa phương trong quá trình thực hiện, chưa hướng đến hỗ trợ đồng bộ trong quá trình sản xuất, đối tượng giống cây trồng, vật nuôi hỗ trợ còn thiếu; định mức và mức hỗ trợ thấp, ...

- Nguồn lực hỗ trợ từ chính sách còn rất thấp chưa đáp ứng được nhu cầu thực tiễn sản xuất tương ứng với quy mô liên kết và nhiều nội dung hỗ trợ của chính sách.

- Các chính sách của Nhà nước đối với sản xuất nông nghiệp còn hạn chế, nhất là chính sách hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp vào lĩnh vực nông nghiệp chưa hấp dẫn; đầu ra của các sản phẩm nông nghiệp không ổn định đã ảnh hưởng đến việc đầu tư tái sản xuất; mặt khác việc sản xuất còn manh mún, nhỏ

lẽ chủ yếu là kinh phí từ nhà nước hỗ trợ cho nên rất khó liên kết từ khâu sản xuất - chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đối với UBND huyện

Đề nghị UBND huyện kiến nghị với UBND tỉnh; Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính tỉnh Điện Biên:

1. Đề nghị UBND tỉnh quan tâm cân đối bố trí tăng kinh phí hỗ trợ chính sách phát triển sản xuất nông lâm nghiệp lên tối thiểu 10 tỷ/năm để góp phần thúc đẩy mạnh mẽ ngành hàng nông nghiệp chủ lực gắn với xây dựng nông thôn mới tại các địa phương.

2. Đề nghị các Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính quan tâm xem xét tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung một số nội dung trong định mức kinh tế, kỹ thuật, quy mô tối thiểu thực hiện chính sách theo Quyết định 45 để phù hợp hơn trong quá trình triển khai thực hiện tại các địa phương.

2. Đối với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện

- Trên cơ sở dự toán được giao hàng năm sớm tham mưu cho UBND huyện phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ sản xuất nông lâm nghiệp thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp trên địa bàn huyện đảm bảo kịp thời và có hiệu quả.

- Có giải pháp hỗ trợ duy trì hoạt động các hợp tác xã trên địa bàn huyện. Chủ động phối hợp với các ngành liên quan và UBND các xã, thị trấn khảo sát chọn vùng sản xuất nông nghiệp tập trung; nghiên cứu giống cây trồng, vật nuôi phù hợp với địa phương; chọn những hộ có khả năng, có nhu cầu làm vườn hoặc chăn nuôi để vận động, hỗ trợ chính sách phù hợp.

- Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên kết dự án và người dân tham gia dự án thường xuyên kiểm tra, giám sát chất lượng cây, con giống, phân bón vật tư đầu vào của các dự án liên kết; định kỳ đánh giá việc triển khai thực hiện các mô hình, dự án trên địa bàn huyện.

- Kiên quyết không lựa chọn, hợp tác với các đơn vị chủ trì liên kết hạn chế về năng lực, kinh nghiệm trong quá trình triển khai dự án; không thực hiện đúng cam kết trong hợp đồng liên kết và tiêu thụ sản phẩm.

- Có kế hoạch phối hợp với các đơn vị chủ trì liên kết, cấp ủy chính quyền các xã và các hộ dân khắc phục những tồn tại, hạn chế mà đoàn giám sát đã nêu trong biên bản làm việc tại đơn vị.

3. Đối với UBND các xã, thị trấn

- Tiếp tục phối hợp với các cơ quan, tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương tuyên truyền sâu rộng chính sách theo Quyết định số 45/2018/QĐ-UBND của UBND tỉnh Điện Biên để nhân dân nhận thức rõ mục đích, ý nghĩa của chính sách.

- Duy trì và tiếp tục nhân rộng các mô hình sản xuất có hiệu quả kinh tế cao như: nuôi cá lồng bè, khoai sọ, chanh leo và một số mô hình có giá trị kinh tế

khác. Đồng thời, chỉ đạo các tổ hợp tác xã tổ chức tốt việc liên kết tìm đầu ra để bao tiêu cho các sản phẩm tại địa bàn; giúp người dân mạnh dạn hơn trong việc thực hiện các mô hình phát triển sản xuất tăng thu nhập cho bà con nông dân.

Trên đây là Báo cáo kết quả giám sát thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông lâm nghiệp thực hiện cơ cấu ngành nông nghiệp theo Quyết định số 45/2018/QĐ-UBND của UBND tỉnh Điện Biên (từ 01/01/2019 đến tháng 7/2022) của Đoàn giám sát TT HĐND huyện Tủa Chùa./.

Nơi nhận:

- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- UBMTTQ VN huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- ĐB HĐND huyện;
- Phòng NN&PTNT huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Văn phòng HĐND&UBND huyện;
- Thành viên Đoàn GS;
- Lưu: VT.

**TM. ĐOÀN GIÁM SÁT
TRƯỞNG ĐOÀN**

**Giàng A Páo
Chủ tịch HĐND huyện**